TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ - ST
Ngày 01/6/2020

"V/v ly hôn giữa chị A và anh B"

NHÂN DANH

NƯỚC E XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điền.

- Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị Kim Chinh

2/ Ông Đàm Chí Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Là thư ký Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị C xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXX - ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thu A, sinh năm 1979.

Nơi ĐKNKTT: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Vũ Tuấn B, sinh năm 1984.

Nơi ĐKNKTT: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam G, xã H, huyện I, tỉnh Hà Nam anh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Tạ Thu A trình bày:

Chị A và anh Vũ Tuấn B, sinh năm 1984 kết hôn với nhau vào tháng 3/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con. Bản thân chị cũng như gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng anh Bkhông tiếp thu sửa chữa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, sau đó tháng 5 năm 2019 anh B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G, hai bên sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 30/11/2013 và Vũ Tuấn L, sinh ngày 16/10/2015, Tòa án giải quyết ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con, chị có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo.

- Về tài sản chung và vay nợ: Chị A xác định vợ chồng có tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Vũ Tuấn B trình bày trong bản tự khai: Anh và chị Tạ Thu A kết hôn với nhau vào tháng 3/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G, hai bên sống ly thân nhau. Nay chị A có đơn xin ly hôn quan điểm của anh nếu vợ chồng không về đoàn tụ được thì anh cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 30/11/2013 và Vũ Tuấn L, sinh ngày 16/10/2015, Tòa án giải quyết ly hôn do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên không thể chăm sóc nuôi dưỡng con chung được, nên anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị A và anh B, xong hiện nay anh B đang phải chấp hành án nên không thể có mặt. Toà án đã lập biên bản về việc hoà giải đoàn tụ không thành làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường E, thị xã C nơi chị A và anh B đăng ký hộ khẩu thường trú, ông ông Đoàn Văn M trưởng khu E và ông Vũ Văn N phó chủ tịch UBND phường E, thị xã C cho biết, chị Tạ Thu A và anh Vũ Tuấn B kết hôn với nhau vào tháng 3/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghiện ma túy sau đó phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, quan điểm của địa phương nếu hai bên không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Quá trình chung sống vợ chồng chị A và anh B có 02 con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 30/11/2013 và Vũ Tuấn L, sinh ngày 16/10/2015, hiện nay anh B đang phải chấp hành án nên không thể chăm sóc nuôi dưỡng con chung được, quan điểm của địa phương căn cứ theo nguyện vọng của các cháu đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS là đã chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Tòa án như cung cấp đúng và đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án.

3.Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thu A. Xử chị Tạ Thu A được ly hôn với anh Vũ Tuấn B. Giao 02 con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 30/11/2013 và Vũ Tuấn L, sinh ngày 16/10/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, anh Vũ Tuấn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Tạ Thu A khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Vũ Tuấn B có địa chỉ khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh (hiện nay anh Bđang chấp hành án tại Trại giam G). Do vậy đây là

tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh theo quy đinh tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tống đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị Tạ Thu A và anh Vũ Tuấn B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 anh B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G, hai bên sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị A xác định tình cảm giữa chị và anh Bkhông còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Chị A đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh B. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan tâm dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Tạ Thu A với anh Vũ Tuấn B là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị A và anh B có 02 con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 30/11/2013 và Vũ Tuấn L, sinh ngày 16/10/2015, trong bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải và tại phiên toà, chị A vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, vì hiện nay anh B đang phải chấp hành án nên không thể nuôi dưỡng con chung được, chị A không yêu cầu anh Bphải cấp dưỡng tiền nuôi con, chị có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo.

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của các bên, mặt khác để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc học tập của con chung. Mặt khác, anh B đang phải chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, chị A không yêu cầu anh Bphải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, sau khi anh B chấp hành án trở về nếu có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên chị A phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thu A.

Tuyên xử :

1.Về hôn nhân: Chị Tạ Thu A được ly hôn với anh Vũ Tuấn B.

2.Về con chung: Giao 02 con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 30/11/2013 và Vũ Tuấn L, sinh ngày 16/10/2015 cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Tạ Thu A phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn chị A đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001600 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

4. *Về quyền kháng cáo:* Có mặt nguyên đơn chị Tạ Thu A báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn anh Vũ Tuấn B báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- VKSND TX C;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX C;
- Các đương sự;
- UBND phường E,TX C (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Điền